



Dai-ichi Life Vietnam
Fund Management - **DFVN**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN *ANNUAL REPORT*

2020

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM
DAI-ICHI LIFE VIETNAM FUND MANAGEMENT COMPANY LIMITED

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
ANNUAL REPORT

Năm 2020

Year 2020

I. Thông tin chung / General information

1. Thông tin khái quát / General information

- Tên giao dịch / Trading name:	Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam ("Công ty") / Dai-ichi Life Vietnam Fund Management Company Limited ("The Company")
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số Certificate of business registration No:	53/GP-UBCK
- Vốn Điều lệ / Charter capital:	VND 25.000.000.000
- Vốn đầu tư của Chủ sở hữu / Owner's capital:	VND 25.000.000.000
- Chủ sở hữu / Owner:	Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân Thọ Dai-ichi Việt Nam / Dai-ichi Life Insurance Company of Vietnam, Ltd.
- Địa chỉ / Address:	Tầng 11, 149-151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Tp. HCM / Floor 11 th , 149-151 Nguyen Van Troi, Ward 11, Phu Nhuan district, HCM City
- Số điện thoại / Telephone:	(028) 3810 0888
- Số fax / Fax:	(028) 3844 9835
- Website:	http://www.dfvn.com.vn

Quá trình hình thành và phát triển / Incorporation and development process

- Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay) / Foundation and development process (date of incorporation, time of listing, and development milestones since the establishment until now).
- Ngày 10/02/2014: Công ty được cấp giấy phép thành lập bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") và được phép thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh bao gồm: (i) Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; (ii) Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và (iii) Tư vấn đầu tư chứng khoán.
On 10th February 2014, the Company License is issued by State Securities Commission ("SSC") with business sectors including: (i) Securities investment fund management; (ii) Securities portfolio management and (iii) Securities investment advisory.
- Ngày 30/12/2014: Công ty nhận được UBCKNN cấp Thông báo xác lập thành lập Quỹ thành viên, tên là Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Dai-ichi Life Việt Nam. Tuy nhiên, Quỹ đã kết thúc thời hạn hoạt động ba (03) năm và hoàn tất việc giải thể Quỹ vào ngày 28/03/2018.
On 30th December 2014, the Company has been issued by SSC the Notification on the establishment

of Equity member fund, namely Dai-ichi Life Vietnam Equity Member Fund. However, the Fund terminated the operational term of three (03) years and completed the dissolution on 28th March 2018.

- Ngày 16/10/2018: Công ty được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán (loại hình Quỹ mở) ra công chúng cho Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN ("DFVN-CAF").

On 16th October 2018, the Company has been issued by SSC the Certificate of the Initial Public Offering of Open-ended Fund for DFVN Capital Appreciation Fund ("DFVN-CAF").

- Ngày 03/01/2019: Công ty được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng cho Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN ("DFVN-CAF").

On 03rd January 2019, the Company has been issued by SSC the Certificate of the establishment of Public Fund for DFVN Capital Appreciation Fund ("DFVN-CAF").

- Ngày 20/10/2020: Công ty được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán (loại hình Quỹ mở) ra công chúng cho Quỹ Đầu tư Trái phiếu DFVN ("DFVN-FIX").

On 20th October 2020, the Company has been issued by SSC the Certificate of the Initial Public Offering of Open-ended Fund for DFVN Fixed Income Fund ("DFVN-FIX").

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh / Lines and locations of the business:

- **Ngành nghề kinh doanh / Lines of the business** (Ngành nghề kinh doanh chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất / Specify major lines of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years):
 - Nghiệp vụ Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán / Business of securities portfolio management;
 - Nghiệp vụ Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán / Business of securities investment fund management
- **Địa bàn kinh doanh / Location of business** (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất / Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years):
 - Công ty hoạt động kinh doanh chủ yếu ở thành phố Hồ Chí Minh / The Company has business location mainly in Ho Chi Minh city.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý / Information about governance model, business organization and managerial apparatus

- **Mô hình quản trị / Governance model**
 - (a) Hội đồng Thành viên / Member's Council;
 - (b) Kiểm soát viên / Inspector;
 - (c) Tổng Giám đốc điều hành / Chief Executive Officer.
- **Cơ cấu bộ máy quản lý / Management structure**
 - (a) Hội đồng Thành viên / Member's Council;
 - (b) Kiểm soát viên / Inspector;
 - (c) Tổng Giám đốc điều hành / Chief Executive Officer;
 - (d) Các phòng ban bao gồm: (i) Đầu tư; (ii) Kiểm soát Nội bộ; (iii) Nghiệp vụ; (iv) Phát triển kinh doanh và (v) Kế hoạch Công ty và Quản trị Rủi ro / The divisions include: (i) Investment; (ii) Internal Control; (iii) Operation; (iv) Business Development and (v) Corporate Planning and Risk Management.
- **Các công ty con, công ty liên kết / Subsidiaries, associated companies**
 - Công ty hiện không có công ty con, công ty liên kết / The Company currently does not have any

subsidiaries, associated companies.

4. Định hướng phát triển / Development orientations

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty / Main objectives of the Company

- Trở thành Công ty Quản lý Quỹ thuộc nhóm dẫn đầu về uy tín và hiệu quả đầu tư mang lại cho khách hàng; không ngừng phát triển và hoàn thiện cơ cấu tổ chức, môi trường làm việc chuyên nghiệp, chính sách quản trị rủi ro theo chuẩn mực quốc tế nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của khách hàng.

To become a Fund Management Company in the leading group which brings customers the prestige and investment efficiency; continuously develop and improve the organizational structure, professional working environment, risk management policy in accordance with international standards in order to meet the customer needs which are increasing and diverse.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn / Development strategies in medium and long term

- Duy trì kết quả đầu tư vượt trội / Maintain outstanding investment results

Công ty đang được ủy thác quản lý tài sản từ Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam, bao gồm các Quỹ liên kết đơn vị thuộc Sản phẩm Bảo hiểm Liên kết đầu tư. Hiện tại, Công ty đang quản lý Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN ("DFVN-CAF"), là loại hình Quỹ mở nhằm mang đến cho nhà đầu tư, đặc biệt là các khách hàng cá nhân trong nước cơ hội đầu tư sinh lời trên Thị trường Chứng khoán (TTCK) Việt Nam và Quỹ Đầu tư Trái phiếu DFVN ("DFVN-FIX") là Quỹ mở thứ hai, đáp ứng nhu cầu đầu tư của khách hàng ngại rủi ro, mong muốn sự ổn định và hài lòng với mức lợi nhuận kỳ vọng. Giá trị mà các Quỹ mở mang lại cho nhà đầu tư có được là nhờ duy trì kỷ luật trong chiến lược đầu tư, nhưng linh hoạt và hiệu quả khi giải ngân đầu tư, kịp thời nắm bắt cơ hội thị trường. Trong năm 2020 danh mục đầu tư của khách hàng tổ chức, các quỹ đầu tư do Công ty quản lý đều cho kết quả rất đáng khích lệ, mang lại niềm tin cho khách hàng, đặc biệt là các nhà đầu tư cá nhân với những hạn chế về thời gian, thông tin và kinh nghiệm, tham gia đầu tư trên thị trường chứng khoán thông qua quỹ. Kế hoạch năm 2021, Công ty sẽ nỗ lực hơn nữa, tìm kiếm cơ hội để tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả đầu tư của tài sản ủy thác và (các) quỹ đầu tư hiện có nhằm đáp ứng tốt yêu cầu và kì vọng của khách hàng và nhà đầu tư.

The Company manages the capital entrusted by Dai-ichi Life Insurance Company of Vietnam Limited, including Unit-link Fund of investment-linked investment product. Currently, the Company is managing DFVN Capital Appreciation Fund ("DFVN-CAF"), in the form of Open-ended Fund in order to bring investors, especially local investors, opportunities for profitable investment on Vietnam securities market and DFVN Fixed Income Fund ("DFVN-FIX"), is the second Open-ended fund to meet the investment need of the customers who are risk-adverse and wish to have the stability and satisfaction with the expected return. The value of Open-ended Funds brings the investors due to maintained discipline in investment strategy but being flexible, efficient when disbursing investment, timely grasping the market opportunities. In 2020, the portfolio of institutional customer and funds, which are managed by the Company, give the encouraging results and bring the trust for the customers, especially for individual investors investing in the securities market with limited time, information and experience. As the plan for year 2021, the Company will make the more effort, look for investment opportunities in order to continuously maintain and enhance the investment efficiency of the asset under management, fund assets to adopt customer needs and expectation better and better.

- Chú trọng phát triển sản phẩm đầu tư phục vụ khách hàng cá nhân trong nước / Focus on developing investment products affordable for individual customers

TTCK Việt Nam trong vài năm trở lại đây cho thấy sự phát triển mạnh và bền vững hơn, trở thành

một trong những kênh đầu tư mang lại hiệu quả sinh lời tốt nhất. Tuy nhiên, thống kê cho thấy, tỷ trọng người dân Việt Nam tham gia và hưởng lợi từ những cơ hội đầu tư trên TTCK để tích lũy tài sản làm giàu cho tương lai là không nhiều. Nguyên nhân là do (1) Phần lớn trong số họ bị hạn chế về thời gian, kiến thức, kinh nghiệm và thông tin thị trường; (2) Một số khác lại có xu hướng tự đầu tư và sẵn sàng chấp nhận rủi ro trên mức hợp lý với hy vọng làm giàu nhanh chóng. Công ty sẽ nỗ lực không ngừng nhằm đưa ra thị trường các sản phẩm và dịch vụ (Quỹ mở, Quỹ Hưu trí tự nguyện...) chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu đầu tư, tích lũy tài sản cho cuộc sống tương lai của rất nhiều người dân Việt Nam.

The Vietnam securities market in recent years has shown a stronger, sustainable development and becomes one of the best investment channels with the high profitability. However, the statistic has shown that the proportion of Vietnamese people participating in and benefiting from the securities market to accumulate the capital for future enrichment is not a large number. The reason is that (1) most of them are limited to time, knowledge, experience and market information; (2) Others tend to invest on their own and are willing to take risks on the reasonable basis to get rich quick as their wish. The Company will endeavor to provide the high-quality products and services (Open-ended fund, Voluntary pension fund...) to meet the demand for investment and asset accumulation for the future life of many Vietnamese people.

Sau khi cho ra đời loại hình Quỹ mở, Công ty cũng tiếp tục nghiên cứu về khuôn khổ pháp lý, điều kiện thị trường, mô hình kinh doanh và các bước chuẩn bị cho sự ra đời của Quỹ Hưu trí Bổ sung Tự nguyện phù hợp nhất với điều kiện Việt Nam.

After the Open-ended fund has established, the Company continues to conduct the steps for researching about legal framework, market condition, business concept and the preparation for Additional voluntary pension fund which will be suitable for the conditions in Vietnam.

– **Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty / *Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community sustainability***

- Công ty luôn chú trọng tinh thần trách nhiệm cộng đồng trong việc định hướng phát triển hoạt động kinh doanh nhằm đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho khách hàng, nhà đầu tư và các bên liên quan.

The Company always focuses on community responsibilities in the orientation of business development in order to ensure the best benefits for customer, investor and other related parties.

5. Các rủi ro / *Risks*:

• **Nhóm rủi ro chiến lược / *Strategic risk group***

Đây là nhóm rủi ro cao mà Công ty có thể phải gánh chịu dẫn đến hậu quả Công ty có sự quyết định chiến lược không phù hợp hoặc Công ty không thể hoàn thành một cách thành công chiến lược đã đề ra. Ví dụ:

This is the high-level risk group that the Company makes inappropriate strategic choices or is unable to successfully implement selected strategies. For example:

- Rủi ro môi trường kinh tế: là rủi ro do sự suy thoái đột ngột của nền kinh tế.
- *Economic environment risk: the risk for the loss due to a sudden downturn of the economy.*

• **Nhóm rủi ro tài chính / *Financial risk group***

Đây là nhóm rủi ro gây ra thiệt hại đe dọa đến tình hình tài chính của Công ty. Ví dụ:

This is the risk group for the loss which shall make a threat to current financial status. For example:

- Rủi ro thanh khoản / tín dụng: là rủi ro bị lỗ tiền vốn gốc hoặc khoản tiền lời do đối tác không thanh toán tiền hoặc không tuân theo nghĩa vụ theo hợp đồng.

Default / Credit risk: the risk for the loss of principal or financial reward stemming from a debtor's failure to repay money or otherwise meet a contractual obligation.

- Rủi ro thị trường: là rủi ro gây ra thiệt hại do sự biến động giá thị trường của tài sản hoặc công cụ tài chính.

Market risk: the risk for the loss due to movements of market price of assets or financial tools.

- Rủi ro thanh khoản: là rủi ro trong đó Công ty không thể bán tài sản hoặc chuyển đổi tài sản thành tiền mặt với giá trị hợp lý do thiếu tính thanh khoản.

Liquidity risk: the risk in which the Company is unable to sell assets or convert them into cash with reasonable value due to liquidity shortage.

- Rủi ro chi tiêu: rủi ro trong kế hoạch kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng bởi các chi phí bất ngờ phát sinh vượt quá số tiền ngân sách.

Expenditure risk: the risk in which the Company business plan is affected by unexpected costs incurred in excess of budgeted amount.

- **Nhóm rủi ro hoạt động / Operational risk group**

Đây là nhóm rủi ro gây ra thiệt hại do lỗi quá trình tác nghiệp nội bộ, con người, hệ thống hoặc các yếu tố bên ngoài. Ví dụ:

This is the risk group for the loss from inadequate or failed internal processes, people and systems or from external factors. For example:

- Rủi ro con người: là rủi ro gây ra thiệt hại do thiếu hụt nhân viên có trình độ.

Human resource risk: the risk for the loss due to shortage of qualified employees.

- Rủi ro lỗi hệ thống: là rủi ro gây ra thiệt hại bởi lỗi vận hành trong quá trình quản lý danh mục đầu tư hoặc quản lý quỹ đầu tư.

Operational error risk: the risk for the loss due to operational errors in the process of portfolio or fund management.

- Nhóm rủi ro công nghệ: là nhóm rủi ro gây ra thiệt hại liên quan đến IT.

IT risk group: the risk group for the loss related to IT issues.

- **Nhóm rủi ro tuân thủ / Compliance risk group**

Đây là nhóm rủi ro do Công ty hoặc nhân viên Công ty không tuân thủ quy định pháp luật, điều lệ quỹ, bản cáo bạch, quy định nội bộ.

This is the risk group in which the Company or employees does not comply with the legal regulations, fund charter, prospectus, internal rules.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2020/ Business operations of year 2020

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh / Situation of production and business operations

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm / Results of business operations in the year:

- Đối với hoạt động quản lý danh mục đầu tư: Trong năm 2020, doanh thu từ hoạt động kinh doanh đạt 58,98 tỷ đồng (trong đó doanh thu quản lý danh mục đầu tư là 57,80 tỷ đồng chiếm 98% tổng doanh thu, doanh thu quản lý quỹ đầu tư chứng khoán là 1,18 tỷ chiếm 2% tổng doanh thu), tăng 40,29% so với năm 2019. Công ty phát triển doanh thu theo định hướng bền vững, doanh thu tăng trong khi vẫn đảm bảo an toàn và luôn kiểm soát được rủi ro. Trong năm 2020, Công ty tiếp tục hoàn thành việc tăng trưởng doanh thu trong hoạt động quản lý danh mục đầu tư, kết quả là đã có sự tăng trưởng đáng kể so với năm 2019.

For the operation of portfolio management: In 2020, the total revenue reached VND58.98 billion (from portfolio management operation and fund management operation reached VND57.80 billion accounted 98% of total revenue; and VND1.18 billion accounted 2% of total revenue respectively),

increased 40.29% comparing to year 2019. The revenue is developed by the Company based on the sustainability orientation, this thing means that the revenue increases while securing the capital and controlling risks. In 2020, the Company continues to complete the mission of revenue development in portfolio management operation, and the result is that there is a considerable increase in revenue comparing to year 2019.

2. Tổ chức và nhân sự / Organization and Human resource

- Danh sách Ban điều hành / List of the Board of Management

- Ông Trần Châu Danh – Tổng Giám đốc điều hành / Mr. Tran Chau Danh – Chief Executive Officer;
- Ông Masafumi Takeshita – Phó Giám đốc, Trưởng Bộ phận Kế hoạch Công ty và Quản trị Rủi ro / Mr. Masafumi Takeshita – Assistant Director, Head of Corporate Planning and Risk Management Division;
- Ông Đặng Vĩ Thanh – Phó Giám đốc, Trưởng Bộ phận Kế hoạch Kinh doanh / Mr. Dang Vi Thanh – Assistant Director, Head of Business Development Division;
- Ông Đoàn Công Đạt – Trưởng Bộ phận Kiểm soát Nội bộ / Mr. Doan Cong Dat, Head of Internal Control Division.

- Những thay đổi trong Ban điều hành / Changes in the Board of Management

- Trong năm 2020, Công ty có sự hiệu lực bổ nhiệm mới đối với chức danh Trưởng Bộ phận Kiểm soát Nội bộ.

In year 2020, the Company has the effectiveness of new appointment for Head of Internal Control Division.

- **Số lượng nhân viên trong Công ty tính đến cuối năm 2020** là 18 người. Công ty luôn cố gắng xây dựng, phát triển chính sách nhân sự đảm bảo quyền lợi tốt hơn cho người lao động.

The number of the Company employees as of ending year 2020 is 18 people. The Company always tries to establish, develop HR policies to ensure the better benefits for employees.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án / Investment activities, project implementation

- Năm 2020, Công ty đầu tư tài chính ngắn và dài hạn tại các Ngân hàng TMCP trong nước bằng VNĐ. Tổng số tiền đầu tư là 97,2 tỷ đồng. Hoạt động đầu tư của Công ty mang tính an toàn, mang lại nguồn vốn ổn định cho Công ty.

In 2020, the Company has the short and long-term financial investments at local Joint Stock Commercial Banks. The invested capital is VND97.2 billion. The investment activities of the Company has the nature of safety and brings the stable income to the Company.

4. Tình hình tài chính / Financial situation

a) Tình hình tài chính / Financial situation

(Đơn vị tính / Unit: VND)

Chỉ tiêu / Financial Figure	Năm / Year 2019	Năm / Year 2020	% tăng giảm/ % change
Tổng giá trị tài sản / Total asset	92,348,599,121	122,923,148,960	33.11%
Nợ phải trả / Total Liability	7,121,893,932	8,175,137,304	14.79%
Doanh thu / Revenue	42,043,448,223	58,982,217,338	40.29%

Thuế và các khoản phải nộp / <i>Taxes and payables</i>	(3,993,435,181)	(4,966,027,972)	24.35%
Lợi nhuận trước thuế / <i>Before tax profit</i>	18,917,325,601	34,487,334,439	82.31%
Lợi nhuận sau thuế / <i>After tax profit</i>	14,923,890,420	29,521,306,467	97.81%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu / *Major financial benchmarks*

Chỉ tiêu / <i>Financial Figure</i>	Năm / <i>Year 2019</i>	Năm / <i>Year 2020</i>	Ghi chú / <i>Note</i>
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán / <i>Solvency ratio</i>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio</i> : Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset / Short term debt</i>)	11.38	15.68	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn / <i>Capital structure Ratio</i>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>)	7.71%	6.65%	
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owners' Equity ratio</i>)	8.36%	7.12%	
3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời / <i>Target on Profitability</i>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/Net revenue Ratio</i>)	35.50%	50.05%	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/total capital Ratio</i>)	17.51%	25.73%	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/Total assets Ratio</i>)	16.16%	24.02%	
4. Quy mô vốn / <i>Capital scale</i>			
Vốn Điều lệ / <i>Charter capital</i>	VND 25,000,000,000	VND 25,000,000,000	
Tổng tài sản có / <i>Total assets</i>	VND 92,348,599,121	VND 122,923,148,960	
5. Khả năng thanh khoản / <i>Solvency</i>			
Khả năng thanh toán ngay / <i>Short term solvency</i>	2.45	4.15	
Khả năng thanh toán chung / <i>General solvency</i>	2.26	3.78	

5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty / *Report related impact of the Company on the environment and society*

5.1. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường / *Compliance with the law on environmental protection*:

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường / *Number of times the Company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment*: Công ty chưa từng bị xử phạt do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường / *The Company has not been fined for failing to comply with laws and regulations on environment.*

5.2. Chính sách liên quan đến người lao động / *Policies related to employees*

a) Số lượng cán bộ, nhân viên trong công ty đến cuối năm 2020 / *The number of Company employee as of the ending of year 2020*: 18 người / 18 people.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động / Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers

- Công ty có chính sách về quyền lợi cho người lao động đảm bảo về môi trường làm việc an toàn, sức khỏe, phúc lợi và chính sách chăm sóc sức khỏe, bảo hiểm tai nạn giúp người lao động luôn được bảo vệ trước những rủi ro trong công việc và cuộc sống.

The Company has the policies about the employee's benefits to ensure the safety environment working, health, compensation and the policy of health care, accident insurance which helps the employees protected by unexpected risks in work and life.

c) Hoạt động đào tạo người lao động / Training employees

- **Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên / The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff.**

- Công ty luôn khuyến khích người lao động học tập, phát triển bản thân và không giới hạn số lượng giờ đào tạo cho mỗi học viên. Công ty có chính sách hỗ trợ để người lao động có cơ hội được học tập nâng cao năng lực chuyên môn và phát triển bản thân.

The Company always encourages employees in learning, developing; the training hours are not limited to each trainee. The Company has the policy to support employees in learning opportunities to improve their professional capacity and develop.

- **Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp / The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.**

- Công ty tạo điều kiện cho người lao động tham gia các khóa đào tạo trong lĩnh vực chuyên ngành liên quan đến chứng khoán và quản lý quỹ. Ngoài ra, nhân viên trong Công ty luôn có cơ hội tham gia đào tạo nội bộ về năng lực và kỹ năng mềm.

The Company provides suitable conditions to attend training courses in the major of securities and fund management. In addition, the employees have opportunity to attend training courses of soft skill and capacity.

5.3. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ Report on

responsibility for local community: Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng / *The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

- Công ty hiện vẫn đang tham gia vào Quỹ Vì Cuộc sống Tươi đẹp. Đây là Quỹ từ thiện, xã hội phi lợi nhuận, hoạt động trên cơ sở tự nguyện, tự trang trải kinh phí nhằm phục vụ cho các mục đích hỗ trợ cộng đồng địa phương trong một số lĩnh vực giáo dục, sức khỏe y tế, môi trường và các hoạt động xã hội từ thiện khác nhằm góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.

The Company currently participates in the For Better Life Foundation. This is a non-profit charitable, society fund which operates on a voluntary, self-funded basis to support the local community in number fields of education, health care, environment and other social charity activities in order to enhance the quality of life for people.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc / Report and assessment of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của Công ty / The Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh / Assessment of operating results

- **Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây / General analysis of company's operations against the targets and previous operating results**
 - Tổng doanh thu công ty năm 2020 đạt 58,98 tỷ đồng, tăng 40,29% so với doanh thu năm 2019. Trong đó, doanh thu trong cả 02 hoạt động quản lý danh mục đầu tư và quản lý quỹ đều tăng.
The Company revenue of year 2020 reaches VND58.98 billion, increased 40.29% comparing to year 2019. Whereas, the revenue of the operation of portfolio and fund management increase.
- **Những tiến bộ công ty đã đạt được / The Company's achievements**
 - Kiểm soát hiệu quả chi phí hoạt động / *Effective control of operation expenses;*
 - Tăng trưởng doanh thu / *Growth in revenue;*
 - Định hướng phát triển bền vững / *Orientation for sustainable development.*

2. Tình hình tài chính / Financial Situation

a) Tình hình tài sản/ Assets:

- Tổng tài sản: Tính đến ngày 31/12/2020 là 122,92 tỷ đồng, tăng 33,11% so với năm 2019 / *The total asset: VND122.92 billion VND as of 31st December 2020, increases 33,11% comparing to year 2019.*
- Tỷ số lợi nhuận trên tài sản (ROA) là 24,02% / *The Return on Asset (ROA) is 24.02%.*
- Vốn chủ sở hữu: 114,75 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2020), tăng 34,64% so với năm 2019 / *The shareholder capital is VND114.75 billion (as of 31st December 2020), increased 34.64% comparing to year 2019.*
- Lợi nhuận sau thuế: 29,52 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2020), tăng 97,81% so với năm 2019 / *The profit after tax is VND29,52 billion (as of 31st December 2020), increased 97.81% comparing to year 2019.*

b) Tình hình nợ phải trả / Liabilities

- Tổng nợ phải trả của công ty tính đến 31/12/2020 là 8,17 tỷ đồng.
Total liability of the Company as of 31st December 2020 is VND8.17 billion.
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản là 6,65% và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu là 7,12%. Nợ phải trả chiếm một tỉ trọng không đáng kể so với Tổng tài sản và Vốn chủ sở hữu.
Debt/Total assets ratio is 6.65% and Debt/Total shareholder capital is 7.12%. The liability accounted a trivial proportion comparing to Total asset and Shareholder capital.
- Công ty không có các khoản nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.
The Company does not have any outstanding debts which impact the exchange rate changes on operating result of the Company, and the cost of borrowing to the Company's results.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý / Improvements in organizational structure, policies, management

- Công ty thường xuyên rà soát lại các quy định, chính sách nội bộ và thực hiện sửa đổi quy định nếu cần thiết để đảm bảo phù hợp hoạt động của Công ty.
The Company often reviews the internal policies, rules and amends rules in case that it is necessary to ensure be suitable for the Company operation.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai / *Development plans in the future*

- Công ty hoạt động kinh doanh với định hướng an toàn, hiệu quả tạo nên sự phát triển bền vững, lâu dài.
The Company operates in a safe and effective manner, creates a sustainable and long-term development.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần) / *Explanation of the Board of Directors for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not absolutely approved)*

Không có / None

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty / *Assessment Report related to environmental and social responsibility of the Company*

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...) / *Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...)*

- Tuy là một Công ty Quản lý quỹ, hoạt động kinh doanh hầu như không có ảnh hưởng đến môi trường nhưng Công ty luôn xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường, tiết kiệm tài nguyên.
Although the Company is a type of fund management company and the operation business do not have any impact on environment, but the Company always establishes the culture of environmental protection.
- Công ty luôn tuân thủ những quy định về môi trường.
The Company always complies with the regulations of environment.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động / *Review concerning the problems of workers*

- Công ty luôn cố gắng tạo một môi trường làm việc tốt cho người lao động như đã đề cập ở Mục II, Điều 5.2 ở trên.
The Company always makes effort to create a good working environment for employees as mentioned in Section II, Article 5.2 above.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương / *Review concerning corporate responsibility towards the local community*

- Công ty đã có những đóng góp cho cộng đồng như đã đề cập Mục II, Điều 5.3 ở trên.
The Company had the contributions for community as mentioned in Section II, Article 5.3 above.

IV. Báo cáo tài chính / *Financial statements*

1. Ý kiến kiểm toán / *Auditor's opinions*: Phụ lục 1 / Appendix 1
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán / *Audited financial statements*: Phụ lục 2 / Appendix 2

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE



Trần Châu Danh
TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020 / ANNUAL REPORT YEAR 2020

PHỤ LỤC 1/APPENDIX 1

Báo cáo Kiểm toán độc lập / Independent Auditors' Report



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi Chủ sở hữu

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 26 tháng 3 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 36.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

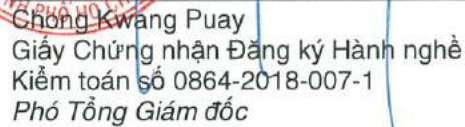
Ý kiến của kiểm toán viên

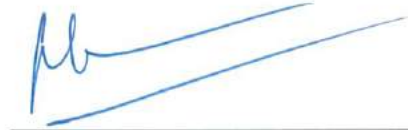
Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 20-01-00324-21-1




Phó Tổng Giám đốc
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0864-2018-007-1



Trương Vĩnh Phúc
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1901-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020 / ANNUAL REPORT YEAR 2020

PHỤ LỤC 2/APPENDIX 2

Báo cáo Tài chính được kiểm toán / Audited Financial Statements

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thông tin về Công ty

**Giấy phép Thành lập và
Hoạt động số**

53/GP-UBCK
15/GPĐC-UBCK
47/GPĐC-UBCK

ngày 10 tháng 2 năm 2014
ngày 14 tháng 7 năm 2015
ngày 11 tháng 7 năm 2018

Giấy phép Thành lập và Hoạt động đầu tiên và các giấy phép điều chỉnh do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam cấp.

Hội đồng Thành viên

Ông Trần Đình Quân

Chủ tịch
(từ ngày 7 tháng 1 năm 2020)
Thành viên
(đến ngày 6 tháng 1 năm 2020)

Ông Takashi Fujii

Thành viên
(từ ngày 7 tháng 1 năm 2020)
Chủ tịch
(đến ngày 6 tháng 1 năm 2020)

Ông Seigo Fujimaru
Ông Trần Châu Danh
Ông Tomohiko Asano

Thành viên
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 1 tháng 7 năm 2020)

Ông Shigeo Tsuyuki

Thành viên
(đến ngày 30 tháng 6 năm 2020)

Tổng Giám đốc

Ông Trần Châu Danh

Người đại diện theo pháp luật

Ông Trần Châu Danh

Trụ sở đăng ký

Tầng 11, 149-151, Nguyễn Văn Trỗi
Phường 11, Quận Phú Nhuận
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam **Báo cáo của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 36 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn. Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

Tại ngày lập báo cáo này, Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Trần Châu Danh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2021

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	100		116.790.861.996	74.436.548.140
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.265.723.860	1.394.169.792
Tiền	111		1.265.723.860	1.394.169.792
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		97.200.000.000	61.500.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	97.200.000.000	61.500.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17.274.363.616	10.400.117.753
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	6	12.108.853.061	5.941.648.981
Phải thu ngắn hạn khác	135	7	5.165.510.555	4.458.468.772
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.050.774.520	1.142.260.595
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8(a)	1.050.774.520	1.142.260.595
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		6.132.286.964	17.912.050.981
Các khoản phải thu dài hạn	210		5.000.000	5.000.000
Phải thu dài hạn khác	218		5.000.000	5.000.000
Tài sản cố định	220		1.577.010.878	2.965.987.132
Tài sản cố định hữu hình	221	9	894.736.677	1.425.680.552
Nguyên giá	222		2.259.752.000	2.259.752.000
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.365.015.323)	(834.071.448)
Tài sản cố định vô hình	227	10	682.274.201	1.540.306.580
Nguyên giá	228		4.558.108.148	4.558.108.148
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.875.833.947)	(3.017.801.568)
Tài sản dở dang dài hạn	240		3.801.688.432	3.801.688.432
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	3.801.688.432	3.801.688.432
Các khoản đầu tư dài hạn	250		-	10.200.000.000
Các khoản đầu tư dài hạn khác	258		-	10.200.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		748.587.654	939.375.417
Chi phí trả trước dài hạn	261	8(b)	536.407.099	755.200.252
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	12	212.180.555	184.175.165
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		122.923.148.960	92.348.599.121

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B01 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		8.175.137.304	7.121.893.932
Nợ ngắn hạn	310		7.450.137.260	6.541.893.932
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	1.848.811.744	1.347.375.564
Phải trả người lao động	315		213.449	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	316	14	5.106.105.730	4.877.684.826
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		495.006.337	316.833.542
Nợ dài hạn	330		725.000.044	580.000.000
Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359	15	725.000.044	580.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		114.748.011.656	85.226.705.189
Vốn chủ sở hữu	410		114.748.011.656	85.226.705.189
Vốn góp	411	16	25.000.000.000	25.000.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	418		2.500.000.000	2.500.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	419		2.500.000.000	2.500.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		84.748.011.656	55.226.705.189
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		122.923.148.960	92.348.599.121

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B01 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND (Đã điều chỉnh lại)
Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	18	218.798.440.029	14.314.640.241
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		218.798.440.029	14.314.640.241
Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	19	26.418.464.233.521	20.670.616.262.899
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		26.418.464.233.521	20.670.616.262.899
Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050	20	489.315.000	998.233.569
Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	21	17.097.149.127	11.938.401.752

Ngày 26 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
 Kế toán tổng hợp
 kiêm Kế toán trưởng



Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Trần Châu Danh
 Tổng Giám đốc

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B02 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	10	22	58.982.217.338	42.043.448.223
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	6.056.489.495	4.855.444.631
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	24	30.496.222.504	27.893.070.557
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 10 + 21 - 25)	30		34.542.484.329	19.005.822.297
Thu nhập khác	31		-	4.700.003
Chi phí khác	32		55.149.890	93.196.699
Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		(55.149.890)	(88.496.696)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		34.487.334.439	18.917.325.601
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	4.994.033.362	3.944.949.533
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	25	(28.005.390)	48.485.648
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		29.521.306.467	14.923.890.420

Ngày 26 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
 Kế toán tổng hợp
 kiêm Kế toán trưởng



Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
 Kế toán trưởng



Người duyệt:

Ông Trần Châu Danh
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B03 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2019 VND	2018 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	34.487.334.439	18.917.325.601
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	1.388.976.254	1.136.420.421
Các khoản dự phòng	03	145.000.044	145.000.000
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(6.056.489.495)	(4.855.321.473)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	29.964.821.242	15.343.424.549
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(5.607.350.928)	1.564.466.540
Tăng các khoản phải trả	11	456.763.437	758.234.650
(Giảm)/tăng chi phí trả trước	12	310.279.228	(5.363.161)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.542.553.471)	(4.072.612.593)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	20.581.959.508	13.588.149.985
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	-	(2.316.664.537)
Tiền chi cho gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(87.000.000.000)	(71.700.000.000)
Tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn	24	61.500.000.000	56.900.000.000
Tiền thu từ lãi tiền gửi	27	4.789.594.560	4.800.412.204
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(20.710.405.440)	(12.316.252.333)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30)	50	(128.445.932)	1.271.897.652
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	1.394.169.792	122.272.140
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 4)	70	1.265.723.860	1.394.169.792

Ngày 26 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
 Kế toán tổng hợp
 kiêm Kế toán trưởng



Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Trần Châu Danh
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B05 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

	Số dư đầu năm		Số tăng/(giảm) trong năm		Số dư cuối năm	
	1/1/2019	1/1/2020	2019	2020	31/12/2019	31/12/2020
	VND	VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND
Vốn góp	25.000.000.000	25.000.000.000	-	-	-	25.000.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	2.276.218.979	2.500.000.000	223.781.021	-	-	2.500.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	2.276.218.979	2.500.000.000	223.781.021	-	-	2.500.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	40.750.376.811	55.226.705.189	14.923.890.420	(447.562.042)	29.521.306.467	84.748.011.656
	70.302.814.769	85.226.705.189	15.371.452.462	(447.562.042)	29.521.306.467	114.748.011.656

Ngày 26 tháng 3 năm 2021

Người lập:

(Chữ ký)

Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
 Kế toán tổng hợp
 kiêm Kế toán trưởng

(Chữ ký)

Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
 Kế toán trưởng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam (“Công ty”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 53/GP-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam cấp. Giấy phép thành lập và hoạt động đã được điều chỉnh và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 47/GPĐC-UBCK ngày 11 tháng 7 năm 2018. Thời gian hoạt động của Công ty theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động là 50 năm.

Tổng vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động là 25.000 triệu VND.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý các danh mục đầu tư ủy thác và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Tổng số nhân viên của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 18 nhân viên (31/12/2019: 18 nhân viên) trong đó có 15 nhân viên đã được cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ và tài sản (31/12/2019: 14 nhân viên).

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chính sách kế toán và các quy định pháp lý có liên quan này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam áp dụng cho các công ty quản lý quỹ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

(e) Hình thức sổ kế toán

Công ty sử dụng phần mềm kế toán để ghi sổ các giao dịch phát sinh và hình thức sổ kế toán là nhật ký sổ cái.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được lần lượt quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn ban đầu không quá ba tháng và không có rủi ro đáng kể trong việc chuyển đổi thành tiền. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa trên tình trạng quá hạn của các khoản nợ hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Dự phòng phải thu khó đòi dựa trên tình trạng quá hạn được trích lập như sau:

Thời gian quá hạn	Tỷ lệ trích lập dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

Tăng/giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán là chi phí/thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm, ngoại trừ trường hợp dự phòng phải thu khó đòi được sử dụng để xóa sổ các khoản nợ đã được trích lập dự phòng và không có khả năng thu hồi. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các khoản phải thu này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|------------------------------|-----------|
| ▪ chi phí nâng cấp văn phòng | 4 năm |
| ▪ thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 – 5 năm |

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

(g) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí cho hệ thống phần mềm chưa được lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình lắp đặt.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Điều 3, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Giá trị còn lại của các tài sản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ trên 1 đến 3 năm.

(ii) Chi phí khác

Chi phí khác bao gồm chi phí nâng cấp thiết bị, chi phí thiết kế và chi phí khác được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng thời gian từ 2 đến 4 năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư

Theo Thông tư số 212/2012/TT-BTC ngày 5 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính (“Thông tư 212”) và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính (“Thông tư 146”), công ty quản lý quỹ phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp hoặc trích lập quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư. Công ty đang thực hiện trích lập quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư theo chính sách nội bộ tại văn bản phê duyệt số IC/2020/004 ngày 17 tháng 1 năm 2020.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Vốn góp

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

(n) Các quỹ dự trữ bắt buộc

Theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài Chính ban hành về hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, Công ty phải trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận sau thuế:

	Số trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty theo quyết định của chủ sở hữu.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm.

Quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

(o) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(p) Hợp đồng ủy thác đầu tư

Công ty nhận tiền từ khách hàng và sử dụng số tiền này đầu tư vào chứng khoán thay cho khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng ủy thác đầu tư. Khoản đầu tư vào chứng khoán thay cho khách hàng theo hợp đồng ủy thác đầu tư và các tài sản và nợ phải trả liên quan đến các hợp đồng này được ghi nhận trong mục các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ.

(q) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Phí quản lý danh mục đầu tư và phí quản lý quỹ đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi các dịch vụ được cung cấp cho khách hàng theo các điều kiện và điều khoản của các hợp đồng được ký với các khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(r) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(s) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới chủ sở hữu (công ty mẹ), công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con, các công ty liên kết của các công ty này.

Các bên liên quan cũng bao gồm các quỹ do Công ty quản lý.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(t) Số dư bằng không

Các khoản mục hay các số dư quy định trong Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam nếu không được thể hiện trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

(u) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>		
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	1.180.869.560	1.309.375.701
▪ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	84.854.300	84.794.091
	<u>1.265.723.860</u>	<u>1.394.169.792</u>

5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
<i>Tiền gửi có kỳ hạn gốc từ trên ba tháng đến một năm và tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá một năm tại:</i>		
▪ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	33.000.000.000	52.000.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Á Châu	40.700.000.000	9.500.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Phương Đông	19.000.000.000	-
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	4.500.000.000	-
	<u>97.200.000.000</u>	<u>61.500.000.000</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, các khoản tiền gửi có kỳ hạn này hưởng lãi suất năm từ 5,30% đến 7,95% (31/12/2019: từ 7,3% đến 7,5%/năm).

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu hoạt động nghiệp vụ

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư từ Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam (“DLVN”) – công ty mẹ (i)	11.983.028.402	5.839.166.602
Phải thu phí quản lý quỹ từ Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN – CAF (“DFVN – CAF”) (ii)	125.824.659	102.482.379
	12.108.853.061	5.941.648.981

- (i) Khoản phải thu phí quản lý danh mục đầu tư từ công ty mẹ không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 15 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn. Công ty có quyền tính lãi cho khoản chậm thanh toán với lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.
- (ii) Khoản phải thu hoạt động quản lý quỹ từ Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN – CAF không được đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Lãi phải thu từ tiền gửi ngân hàng	5.156.863.707	3.889.968.772
Cầm cố, ký cược và phải thu ngắn hạn khác (i)	8.646.848	8.000.000
Tạm ứng cho người lao động	-	560.500.000
	5.165.510.555	4.458.468.772

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, khoản phải thu ngắn hạn khác có kỳ hạn còn lại không quá một năm, trong đó các khoản phải thu có kỳ hạn còn lại dưới ba tháng là 646.848 VND (31/12/2019: 0 VND).

8. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Phí bảo trì phần mềm	751.344.422	819.760.331
Chi phí khác	195.975.098	219.045.264
Phí truy cập dữ liệu	103.455.000	103.455.000
	1.050.774.520	1.142.260.595

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	254.921.079	500.279.173	755.200.252
Tăng trong năm	101.725.800	71.280.000	173.005.800
Phân bổ trong năm	(203.980.902)	(187.818.051)	(391.798.953)
Số dư cuối năm	152.665.977	383.741.122	536.407.099

9. Tài sản cố định hữu hình

	Chi phí nâng cấp văn phòng VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm/số dư cuối năm	228.519.500	2.031.232.500	2.259.752.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	80.933.990	753.137.458	834.071.448
Khấu hao trong năm	57.129.875	473.814.000	530.943.875
Số dư cuối năm	138.063.865	1.226.951.458	1.365.015.323
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	147.585.510	1.278.095.042	1.425.680.552
Số dư cuối năm	90.455.635	804.281.042	894.736.677

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản với nguyên giá là 846.120.000 VND (31/12/2019: 0 VND), đã khấu hao hết nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm/số dư cuối năm	4.558.108.148
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	3.017.801.568
Khấu hao trong năm	858.032.379
Số dư cuối năm	3.875.833.947
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	1.540.306.580
Số dư cuối năm	682.274.201

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản cố nguyên giá 417.200.000 VND (31/12/2019: 417.200.000 VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh chi phí nâng cấp phần mềm Portia phục vụ cho hoạt động quản lý đầu tư của Công ty.

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận:</i>			
Chi phí phải trả	20%	67.180.546	68.175.165
Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	20%	145.000.009	116.000.000
		212.180.555	184.175.165

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2020 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2020 VND
Thuế thu nhập cá nhân	102.426.031	2.923.894.005	(2.873.937.716)	152.382.320
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.244.949.533	4.994.033.362	(4.542.553.471)	1.696.429.424
Thuế khác	-	216.831.675	(216.831.675)	-
	1.347.375.564	8.134.759.042	(7.633.322.862)	1.848.811.744

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Lương tháng 13 và tiền thưởng cho nhân viên	4.770.203.000	4.536.809.000
Chi phí khác	335.902.730	340.875.826
	5.106.105.730	4.877.684.826

15. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư

Biến động quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	580.000.000	435.000.000
Trích lập dự phòng trong năm	145.000.044	145.000.000
	725.000.044	580.000.000

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

16. Vốn góp

Vốn điều lệ được duyệt và đã góp của Công ty là:

	Tại ngày 31/12/2020 và 31/12/2019	
	Được duyệt và đã góp	
	VND	%
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam (“DLVN”)	25.000.000.000	100%

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam, công ty mẹ, được thành lập tại Việt Nam.

17. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2020	31/12/2019
	VND	VND
Trong vòng một năm	576.684.000	576.684.000
Trong vòng hai đến năm năm	451.316.500	1.021.400.500
	1.028.000.500	1.598.084.500

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

18. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác

Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác liên quan đến khoản tiền gửi của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam (công ty mẹ). Chi tiết các khoản tiền gửi theo các quỹ của công ty mẹ như sau:

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Quỹ sản phẩm liên kết đơn vị		
Tiền gửi ngân hàng	27.050.977.972	13.656.856.169
Quỹ sản phẩm liên kết chung		
Tiền gửi ngân hàng	189.326.998.693	246.529.766
Quỹ sản phẩm hưu trí tự nguyện		
Tiền gửi ngân hàng	5.917.919	8.992.709
Quỹ sản phẩm truyền thống		
Tiền gửi ngân hàng	2.414.545.445	402.261.597
	<hr/>	<hr/>
	218.798.440.029	14.314.640.241

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
 (Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

19. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác

Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác trong nước là Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam, chi tiết theo các quỹ như sau:

	Số lượng	31/12/2020		31/12/2019	
		Giá gốc VND	Giá thị trường VND (*)	Giá gốc VND	Giá thị trường VND (*)
Quỹ sản phẩm liên kết đơn vị					
Chứng khoán vốn niêm yết	5.755.703	188.815.459.855	232.579.831.600	95.867.222.548	102.800.661.500
Chứng khoán nợ	370.000	36.692.864.800	52.984.530.000	36.692.864.800	49.443.270.000
Tiền gửi có kỳ hạn		34.900.000.000	34.900.000.000	30.270.000.000	30.270.000.000
Quỹ sản phẩm liên kết chung					
Chứng khoán nợ	91.126.656	12.172.667.543.086	14.958.010.255.243	8.582.030.712.268	10.126.932.918.853
Tiền gửi có kỳ hạn		976.600.000.000	976.600.000.000	1.245.400.000.000	1.245.400.000.000
Quỹ sản phẩm hưu trí tự nguyện					
Chứng khoán nợ	1.150.010	126.627.350.000	161.188.050.000	172.369.047.092	195.270.040.000
Tiền gửi có kỳ hạn		88.820.000.000	88.820.000.000	58.940.000.000	58.940.000.000
Quỹ sản phẩm truyền thống					
Chứng khoán nợ	78.989.242	10.155.441.015.780	13.285.696.898.638	9.066.246.416.191	10.615.992.648.448
Tiền gửi có kỳ hạn		2.637.900.000.000	2.637.900.000.000	1.382.800.000.000	1.382.800.000.000
		26.418.464.233.521	32.428.679.565.481	20.670.616.262.899	23.807.849.538.801

(*) Giá thị trường của các khoản đầu tư được xác định theo các điều khoản về xác định giá thị trường được quy định trong hợp đồng quản lý danh mục với Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

20. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác trong nước là DLVN		
Phải thu cổ tức	489.315.000	240.418.000
Phải thu bán cổ phiếu	-	757.815.569
	489.315.000	998.233.569

21. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác

	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác trong nước là DLVN		
Phải trả cho Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam	11.983.028.402	5.839.166.602
Phải trả mua cổ phiếu	5.114.120.725	6.099.235.150
	17.097.149.127	11.938.401.752

22. Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh

Doanh thu thuần thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2020 VND	2019 VND
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư của DLVN	57.803.921.673	40.836.219.049
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ (i)	1.178.295.665	1.207.229.174
	58.982.217.338	42.043.448.223

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Công ty hiện đang quản lý Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN (“Quỹ” hoặc “DFVN-CAF”) là quỹ đầu tư được thành lập tại Việt Nam. Thông tin chi tiết về quỹ này như sau:

Tên viết tắt	Hoạt động chính	Giấy Chứng nhận Đăng ký	Giá trị tài sản ròng tại ngày	
			31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
DFVN-CAF	Quỹ đầu tư	Số 34/GCN-UBCK ngày 3 tháng 1 năm 2019	102.601.036.261	80.870.153.926

Theo điều lệ quỹ của Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ được nhận phí quản lý để thực hiện dịch vụ Quản lý Quỹ DFVN-CAF. Phí quản lý Quỹ được tính là 1,5% trên Giá trị Tài sản ròng (“NAV”) của Quỹ trong một năm tài chính. Phí Quản lý Quỹ được tính tại các kỳ định giá dựa trên NAV trước phí tại ngày trước ngày định giá và được trả hàng tháng. Số phí trả hàng tháng là tổng số phí được tính (trích lập) cho các ngày định giá thực hiện trong tháng.

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	2020 VND	2019 VND
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng	6.056.489.495	4.855.321.473
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	123.158
	6.056.489.495	4.855.444.631

24. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2020 VND	2019 VND
Lương và các chi phí theo lương	20.322.893.948	17.782.562.185
Chi phí dịch vụ mua, thuê ngoài	4.640.386.376	5.041.204.632
Công cụ dụng cụ và văn phòng phẩm	3.247.127.280	2.965.964.477
Khấu hao tài sản cố định	1.388.976.254	1.136.420.421
Chi phí công tác, vận chuyển	617.062.096	669.238.682
Trích lập quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	145.000.044	145.000.000
Thuế và phí khác	19.739.726	48.524.000
Chi phí khác	115.036.780	104.156.160
	30.496.222.504	27.893.070.557

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

25. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2020 VND	2019 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Năm hiện hành	4.994.033.362	3.944.949.533
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(28.005.390)	48.485.648
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	4.966.027.972	3.993.435.181

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	34.487.334.439	18.917.325.601
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	6.897.466.888	3.783.465.120
Chi phí không được khấu trừ thuế	208.861.097	209.970.061
Thay đổi chi phí trích trước	(994.619)	(77.485.648)
Thay đổi quỹ bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	29.000.009	29.000.000
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(28.005.390)	48.485.648
Ưu đãi thuế (*)	(2.140.300.013)	-
	4.966.027.972	3.993.435.181

- (*) Công ty được hưởng ưu đãi giảm 30% chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 25 tháng 9 năm 2020 áp dụng cho doanh nghiệp có doanh thu năm 2020 không vượt quá 200 tỷ VND.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)*

26. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

(a) Giao dịch phát sinh trong năm

Trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	2020	2019
	VND	VND
<i>Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam</i>		
<i>(“DLVN”) – Công ty mẹ</i>		
Phí quản lý danh mục đầu tư	57.803.921.673	40.836.219.049
Chi phí trả hộ Công ty	19.433.260.698	19.493.338.595
 <i>Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN (“DFVN – CAF”) –</i>		
<i>Quỹ do Công ty quản lý</i>		
Phí quản lý quỹ	1.178.295.665	1.207.229.174

(b) Số dư với các bên liên quan

Tại ngày báo cáo, số dư với các bên liên quan như sau:

	31/12/2020	31/12/2019
	VND	VND
<i>Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam</i>		
<i>(“DLVN”) – Công ty mẹ</i>		
Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư	11.983.028.402	5.839.166.602
 <i>Quỹ Đầu tư Tăng trưởng DFVN (“DFVN – CAF”) –</i>		
<i>Quỹ do Công ty quản lý</i>		
Phải thu phí quản lý quỹ	125.824.659	102.482.379

Chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Số dư tiền gửi, danh mục đầu tư, các khoản phải thu và phải trả của nhà đầu tư ủy thác là DLVN đã được trình bày lần lượt tại Thuyết minh 18, Thuyết minh 19, Thuyết minh 20 và Thuyết minh 21.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

27. Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản phải thu.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày kết thúc năm kế toán như sau:

	Thuyết minh	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(ii)	1.265.723.860	1.394.169.792
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(iii)	97.200.000.000	71.700.000.000
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	(iv)	12.108.853.061	5.941.648.981
Phải thu ngắn hạn khác	(iv)	5.165.510.555	4.458.468.772
Phải thu dài hạn khác	(iv)	5.000.000	5.000.000
		115.745.087.476	83.499.287.545

(ii) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(iii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại tổ chức tài chính danh tiếng. Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi có kỳ hạn này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(iv) Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác

Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác chủ yếu bao gồm phải thu hoạt động quản lý quỹ, phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư, phải thu lãi tiền gửi và các khoản phải thu khác. Rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản phải thu hoạt động quản lý quỹ được xem là rất thấp do các khoản phải thu này là phải thu từ quỹ thuộc quản lý của Công ty. Rủi ro tín dụng liên quan đến các giao dịch chưa thanh toán được xem là rất thấp do các giao dịch này có thời gian thanh toán ngắn. Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Chi phí phải trả ngắn hạn	5.106.105.730	5.106.105.730	5.106.105.730
Phải trả ngắn hạn khác	495.006.337	495.006.337	495.006.337
	5.601.112.067	5.601.112.067	5.601.112.067

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Chi phí phải trả ngắn hạn	4.877.684.826	4.877.684.826	4.877.684.826
Phải trả ngắn hạn khác	316.833.542	316.833.542	316.833.542
	5.194.518.368	5.194.518.368	5.194.518.368

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2020 VND	31/12/2019 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tiền gửi ngân hàng	1.265.723.860	1.394.169.792
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	97.200.000.000	61.500.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	-	10.200.000.000
	98.465.723.860	73.094.169.792

(ii) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính thay đổi do biến động tỷ giá hối đoái.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty không bị ảnh hưởng trọng yếu bởi rủi ro tỷ giá hối đoái do các tài sản và nợ phải trả của Công ty chủ yếu có gốc tiền tệ là Đồng Việt Nam, là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

(d) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý là giá trị được xác định phù hợp với giá thị trường, có thể nhận được khi bán một tài sản hoặc chuyển nhượng một khoản nợ phải trả tại thời điểm xác định giá trị.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ của chúng được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2020		31/12/2019	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
<i>Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:</i>				
▪ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	97.200.000.000	97.200.000.000	71.700.000.000	71.700.000.000
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	1.265.723.860	1.265.723.860	1.394.169.792	1.394.169.792
▪ Phải thu hoạt động nghiệp vụ	12.108.853.061	12.108.853.061	5.941.648.981	5.941.648.981
▪ Phải thu ngắn hạn khác	5.165.510.555	5.165.510.555	4.458.468.772	4.458.468.772
▪ Phải thu dài hạn khác	5.000.000	5.000.000	5.000.000	5.000.000
Nợ phải trả tài chính				
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
▪ Chi phí phải trả ngắn hạn	(5.106.105.730)	(5.106.105.730)	(4.877.684.826)	(4.877.684.826)
▪ Phải trả ngắn hạn khác	(495.006.337)	(495.006.337)	(316.833.542)	(316.833.542)

Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền là số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.
- Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính khác của Công ty xấp xỉ giá trị ghi sổ của chúng do thời gian đáo hạn ngắn của các công cụ tài chính này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5/9/2011 của Bộ Tài chính)

28. Thông tin so sánh

Khi Công ty lập báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán liên quan đến các hợp đồng ủy thác đầu tư trong năm trước cần được điều chỉnh lại để phù hợp với cách hiểu và thông tin sẵn có của năm hiện tại. Theo đó, Công ty đã quyết định điều chỉnh lại số liệu so sánh của các khoản mục ngoài bảng này. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

	Mã số	31/12/2019 VND (Đã điều chỉnh lại)	31/12/2019 VND (Theo báo cáo trước đây)
Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	14.314.640.241	13.656.856.169
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	031	14.314.640.241	13.656.856.169
Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	20.670.616.262.899	162.830.087.348
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041	20.670.616.262.899	162.830.087.348

Ngày 26 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
Kế toán tổng hợp
kiêm Kế toán trưởng

Người duyệt:



Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
Kế toán trưởng



Ông Trần Châu Danh
Tổng Giám đốc

